

Số: *1260* /SYT-NV

Bình Phước, ngày *17* tháng 4 năm 2020

V/v báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phòng chống TNTTTE giai đoạn 2016-2020

Kính gửi: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh.

Thực hiện Công văn số 536/SLĐTĐTBXH-QLLVXH ngày 03/4/2020 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước về việc báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phòng chống TNTTTE giai đoạn 2016-2020;

Sở Y tế báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phòng chống TNTTTE giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi ngành y tế phụ trách như sau:

I) Kết quả đạt được:

1. Về mạng lưới tổ chức phòng, chống TNTTTE:

Trên địa bàn toàn tỉnh hiện tại có 11 TTYT huyện, thị xã, thành phố; 111 Trạm Y tế xã, thị trấn điều trị tai nạn thương tích. 01 Binh đoàn 717, 01 BV Binh đoàn 16, Bệnh viện đa khoa tỉnh, 04 Bệnh viện đa khoa Cao su, Bệnh viện đa khoa tư nhân Hoàn Mỹ và 22 phòng khám đa khoa tư nhân có đủ năng lực thực hiện việc sơ cấp cứu và điều trị tai nạn thương tích.

Tại TTYT huyện, thị xã, thành phố: luôn có đội ngũ y, bác sỹ trực 24/24h cấp cứu và điều trị kịp thời các trường hợp bị tai nạn thương tích xảy ra.

Tại các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn và các cơ sở y tế khác: luôn có người trực để làm công tác sơ cấp cứu ban đầu đối với các trường hợp bị tai nạn thương tích.

Tại cộng đồng: luôn có các ban ngành, đoàn thể chỉ đạo về công tác phòng, chống TNTTTE hướng tới xây dựng cộng đồng an toàn cho trẻ em.

Các cơ sở y tế luôn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế về phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em.

2. Công tác kiểm tra an toàn thực phẩm trong trường học, các cơ sở dịch vụ kinh doanh thức ăn bên cạnh và trước cổng trường học:

Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên tổ chức kiểm tra định kỳ về an toàn thực phẩm trong trường học, các cơ sở dịch vụ kinh doanh thức ăn bên cạnh và trước cổng trường học.

Phối hợp với nhà trường trong công tác tuyên truyền đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các trường mầm non, trường học có lớp ăn bán trú buổi trưa trên địa bàn huyện.

3. Công tác phối hợp với nhà trường về phòng, chống tai nạn thương tích:

Phối hợp với các nhà trường trên địa bàn tuyên truyền về các kỹ năng, biện pháp phòng, chống TNTTTE đến giáo viên, phụ huynh và học sinh trong trường.

Thực hiện xây dựng trường học an toàn, thân thiện, giảm thiểu thấp nhất xảy ra TNTTTE tại các trường học.

Phổ biến luật ATGT, phòng chống bạo lực học đường, đánh nhau, phòng chống cháy nổ,... trong trường học.

Các trường học thực hiện báo cáo TNTTTE định kỳ 6 tháng/1 lần về Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố.

II) Số liệu cụ thể về TNTTTE từ năm 2016 - 2020:

Tính từ năm 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh đã có số liệu cụ thể gửi kèm trong Phụ lục 1

III) Thuận lợi, khó khăn:

1. Thuận lợi:

Được sự phối hợp chặt chẽ của các trường học trên địa bàn huyện nên công tác phòng, chống TNTTTE tại trường được triển khai thuận lợi.

Đội ngũ cán bộ y tế có chuyên môn cao nên công tác cấp cứu và điều trị cho trẻ em bị tai nạn thương tích đạt hiệu quả.

Đời sống xã hội được nâng cao, an toàn nên các trường hợp xảy ra tai nạn thương tích được giảm thiểu.

2. Khó khăn:

Không có kinh phí để trang bị các phương tiện truyền thông: phát thanh, panô, áp phích, tờ rơi, ...

Đội ngũ cán bộ y tế chưa được tập huấn thường xuyên trong công tác phòng, chống TNTTTE.

Tại các trường học: các thầy cô giáo được tập huấn có kỹ năng phòng, chống TNTTTE còn hạn chế.


Tại cộng đồng; chưa triển khai được nhiều mô hình để giảm thiểu TNTTTE như dạy trẻ học bơi giảm thiểu đuối nước, các hoạt động ngoại khoá về Luật an toàn giao thông phòng tai nạn đường bộ xảy ra.

IV) Đề xuất, kiến nghị:

Cung cấp kinh phí để triển khai một số mô hình để giảm thiểu TNTTTE.

Cung cấp tờ rơi, tranh ảnh, áp phích... để cấp phát trong cộng đồng và các trường học về phòng, chống TNTTTE.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phòng chống TNTTTE giai đoạn 2016-2020 của Sở Y tế tỉnh Bình Phước.

Trân trọng!


Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Các Phòng chức năng;
- Website SYT;
- Lưu VT - NV(C 17.4).



UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỞ Y TẾ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC BÁO CÁO

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG
CHỐNG TAI NẠN THƯƠNG TÍCH TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2016-2020**

I. TÌNH HÌNH TẠI NẠN THƯƠNG TÍCH TRẺ EM NĂM 2016

TT	Loại TNTT	Số trẻ em mắc / số trẻ em tử vong								
		Giới tính		Nhóm tuổi				Địa điểm xảy ra		
		Nam	Nữ	0-5 tuổi	6-9 tuổi	10-13 tuổi	14-16 tuổi	Tại nhà	Trường học	Cộng đồng
01	Ngã	372	167	175	151	152	61	179	185	175
02	Bỏng/ cháy	123	29	66	30	28	28	80	12	62
03	Tai nạn giao thông	836	304	139/1	280/1	321	400	112	118	910
04	Ngộ độc các loại	19	23	10	11	9	12	14	10	18
05	Cắt, đâm	0	0	0	0	0	0	0	0	0
06	Ngạt thở, hóc nghẹn	0	0	0	0	0	0	0	0	0
07	Súc vật cắn	200	69	14	78	77	100	159	6	104
08	Đuối nước	5	1	1/1	2	1	2/1	2	1	3
09	Bom , mìn/ vật nổ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Điện giật	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Các loại TNTT khác	644	163	152/1	240/1	241/2	174/1	280	227	30
Tổng số		2199	756	557/2	792/2	829/2	777/2	826	559	1302

II. TÌNH HÌNH TAI NẠN THƯƠNG TÍCH TRẺ EM NĂM 2017

STT	Loại TNTT	Số trẻ em mắc / số trẻ em tử vong								
		Giới tính		Nhóm tuổi				Địa điểm xảy ra		
		Nam	Nữ	0-5 tuổi	6-9 tuổi	10-13 tuổi	14-16 tuổi	Tại nhà	Trường học	Cộng đồng
01	Ngã	339	141	148/1	154	150	28	185	90	205
02	Bỏng/ cháy	30	17	31/1	8	8	0	20	4	23
03	Tai nạn giao thông	659	346	113	280	282	330	107	234	700
04	Ngộ độc các loại	97	44	25	41	40	35	47	44	50
05	Cắt, đâm	0	0	0	0	0	0	0	0	0
06	Ngạt thở, hóc nghẹn	0	0	0	0	0	0	0	0	00
07	Súc vật cắn	81	70	24	41/1	40	46	12	20	79
08	Đuối nước	9	4	4/2	3/1	4	2/1	5	1	6
09	Bom , mìn/ vật nổ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Điện giật	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Các loại TNTT khác	182	110	81/1	90	91	30	97	95	100
Tổng số		1397	732	426/5	617/2	615	471/1	474	489	1162

III. TÌNH HÌNH TẠI NẠN THƯƠNG TÍCH TRẺ EM NĂM 2018

STT	Loại TNTT	Số trẻ em mắc / số trẻ em tử vong								
		Giới tính		Nhóm tuổi				Địa điểm xảy ra		
		Nam	Nữ	0-5 tuổi	6-9 tuổi	10-13 tuổi	14-16 tuổi	Tại nhà	Trường học	Cộng đồng
01	Ngã	496	258	192	250	255	57	190	315	213
02	Bỏng/ cháy	51	38	61/1	10	10	8	56	15	18
03	Tai nạn giao thông	692	393	152	296/2	290	347/1	150	285	650
04	Ngộ độc các loại	20	11	5	10	9	7	10	6	15
05	Cắt, đâm	0	0	0	0	0	0	0	0	0
06	Ngạt thở, hóc nghẹn	0	0	0	0	0	0	0	0	00
07	Súc vật cắn	250	57	72	210	18	7	182	12	183
08	Đuối nước	0	13	4/1	4/1	3	2	4	2	7
09	Bom , mìn/ vật nổ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Bạo lực	58	17	7	10	9	49	45	14	16
11	Điện giật	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Các loại TNTT khác	336	167	154	132	136	81	164	145	185
Tổng số		1903	954	647/2	922/3	730	558/1	801	794	1287

IV. TÌNH HÌNH TAI NẠN THƯƠNG TÍCH TRẺ EM NĂM 2019

STT	Loại TNTT	Số trẻ em mắc / số trẻ em tử vong								
		Giới tính		Nhóm tuổi				Địa điểm xảy ra		
		Nam	Nữ	0-5 tuổi	6-9 tuổi	10-13 tuổi	14-16 tuổi	Tại nhà	Trường học	Cộng đồng
01	Ngã	435	350	276	216	215	78	255	270	260
02	Bỏng/ cháy	67	42	76	12	14/1	7	67/1	18	24
03	Tai nạn giao thông	745	448	66/2	360/5	371/8	396/2	175/2	370/5	582/10
04	Ngộ độc các loại	27	15	8	10	9	15	18	10	14
05	Cắt, đâm	0	0	0	0	0	0	0	0	0
06	Ngạt thở, hóc nghẹn									
07	Súc vật cắn	66	27	17	22	20	34	26	9	37
08	Đuối nước	14	9	4/2	10/2	9/1	0	10/2		13/3
09	Bom , mìn/ vật nổ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Điện giật	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Các loại TNTT khác	306	142	124/1	117/1	137	70	280	290	326/2
Tổng số		1759	934	571/5	747/8	775/10	600/2	831	967	1256

V. TÌNH HÌNH TẠI NẠN THƯƠNG TÍCH TRẺ EM 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

STT	Loại TNTT	Số trẻ em mắc / số trẻ em tử vong								
		Giới tính		Nhóm tuổi				Địa điểm xảy ra		
		Nam	Nữ	0-5 tuổi	6-9 tuổi	10-13 tuổi	14-16 tuổi	Tại nhà	Trường học	Cộng đồng
01	Ngã	106	41	47	45	44	11	43	57	47
02	Bỏng/ cháy	19	10	21	3	4	1	15	5	9
03	Tai nạn giao thông	150	90	30	57	58/1	95/1	78	42	120/2
04	Ngộ độc các loại	2	4	5	1	0	0	3	1	2
05	Cắt, đâm	0	0	0	0	0	0	0	0	0
06	Ngạt thở, hóc nghẹn	0	0	0	0	0	0	0	0	0
07	Súc vật cắn	0	0	0	0	0	0	0	0	0
08	Đuối nước	2	2	2	1	1	0	1	0	3
09	Bom , mìn/ vật nổ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Điện giật	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Các loại TNTT khác	70	29	33	30	31	5	23	26	50
Tổng số		349	176	138	137	138/1	112/1	163	131	231